Bài tập giữa kì

# Vẽ ngôi sao 5 cánh đều:

a

b

## **Thuật toán vẽ Bresenham vẽ đường thẳng với độ dóc m tùy ý:**

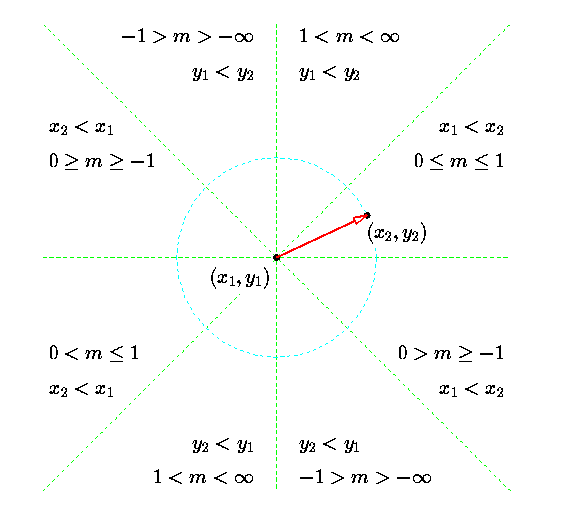
Bài toán: dựa vào tính chất đối xứng trong octant.

Với đường thẳng có m > 1, ta sẽ thay đổi vai trò của các hướng x và y. Đó là ta sẽ tìm giá trị x tiếp theo mà gần với đường thẳng nhất.

Nếu điểm bắt đầu của đường thẳng có độ dóc dương là điểm cuối cùng bên phải, cả x và y đều giảm khi chúng đi từ phải sang trái

Với m < 0, các thủ tục tương tự, khác là 1 tọa độ giảm thì tọa độ khác tăng.

Bảng các phân vùng của octant và các vùng đối xứng: Ví dụ octant 1 đối xứng octant 5



Bảng dưới đây dùng để xác định bộ octant của m:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ΔY | ΔX?ΔY | slope | Octant |
| ≥ 0 | ≥ | Pos ≤ 1 | 1 (5) |
| ≥ 0 | < | Pos >1 | 2 (6) |
| < 0 | ≤ | Neg ≥ -1 | 7 (3) |
| < 0 | > | Neg < -1 | 8 (4) |

Mã giả cho thuật toán Bresenham với m tùy ý:

**Function:** Bresenham\_drawing\_line

**Inputs:** Start point (X1, Y1) , End point (X2, Y2)

***Begin***

*// Điểm đầu*

*X = X1; Y = Y1;*

*// Tinh ΔX, ΔY*

*ΔX = Abs(X2-X1); ΔY = Abs(Y2-Y1);*

*// Tìm dấu của x2 - x1, y2 – y1*

*S1 = Sign(X2-X1); S2 = Sign(Y2-Y1);*

*// Trao đổi vai trò của x và y*

*If ΔY > ΔX Then*

*// Swap ΔX và ΔY*

*T = ΔX; ΔX = ΔY; ΔY = T;*

*Interchange = 1;*

*Else*

*Interchange = 0;*

*End If*

*// Tính toán các thông số đầu vào*

*P = 2\*ΔY - ΔX;*

*A = 2\*ΔY;*

*B = 2\*ΔY - 2\*ΔX*

*// Vẽ điểm đầu*

*Plot(X,Y);*

*For i = 1 to ΔX Then*

*If (P < 0) Then*

*// Nếu Interchange = 1 thì dời Y*

*// Ngược lại, dời X*

*If Interchange == 1 Then*

*Y = Y + S2;*

*Else*

*X = X + S1;*

*End if*

*// Cập nhật P*

*P = P + A;*

*Else // P >= 0*

*// Tìm tọa độ X, Y*

*Y = Y + S2; X = X + S1;*

*// Cập nhật P*

*P = P + B;*

*End if*

*setPixel(X, Y);*

*End for*

***End***

## **1.1 Phát biểu bài toán:**

Xét đường tròn bán kính a là (C0), đường tròn bán kính b là (C1)

Giới hạn bài toán:

Xét tâm tại (0, 0) tịnh tiến cho ra tâm C tùy ý

Chỉ tính tọa độ 2 điểm đầu: P0 thuộc (C0), P1 thuộc đường (C1). Rồi dùng phép quay điểm P0, P1 1 góc 72 độ cho ra lần lượt các điểm P2 thuộc (C0), P3 thuộc (C1) và cứ thế cho đến khi vẽ hết ngôi sao 5 cánh đều

## **1.2 Phương pháp:**

Giả sử P0(0, a)

Để tính P1(x1, y1) ta dùng công thức sin, cos trong tam giác vuông với góc (a, b) = 36 độ:

x1 = b\*sin(36)

y1 = b\*cos(36)

Sau đó, ta sẽ dùng thuật toán đường thẳng Bresenham với m tùy ý để kẻ đường thẳng từ

P0 -> P1 để tạo thành cánh của ngôi sao.

Sau đó, ta dùng phép quay để quay điểm P0, P1 theo 1 góc alpha = 72 độ sẽ tạo ra điểm P2, P3 và cứ như thế sẽ tính được hết các điểm của ngôi sao. Công thức phép quay điểm:

x’ = cos(alpha) \* x – sina \* y

y’ = sin(alpha) \* x + cosa \* y

Lưu ý: phép quay với góc alpha dương thường thực hiện theo ngược chiều kim đồng hồ.

Tương tự, khi tính được 2 điểm mới từ phép quay ta sẽ thực hiện nối 2 điểm đó lại với nhau để tạo thành cánh của ngôi sao.

## **1.3 Giải thuật:**

**Function:** Draw\_5point\_star

**Inputs:** Tâm C(xc, yc), Bán kính đường tròn ngoài (a), Bán kính đường tròn trong (b)

***Begin***

*// Tinh do doi theo tuc hoanh va truc tung*

*trX = xc - 0;*

*trY = yc - 0;*

*// Tính điểm P0, P1*

*P0.X = 0; P0.Y = a;*

*P1.X = round(b \* sin(36 \* (PI / 180))); P1.Y = round(b \* cos(36 \* (PI / 180)));*

*// Tinh tien P0*

*P0 = Translate(P0, trX, trY);*

*P1 = Translate(P1, trX, trY);*

*// Kẻ đường thẳng nối P0, P1*

*Bresenham\_drawing\_line(P0, P1);*

*// Khoi báo 2 biến PreviousP, P2, P3*

*PreviousP = P0, P2 = P0, P3 = P1;*

*While PreviousP != P0 then // Lay diem P0 lam moc*

*// quay điểm P3 trước va tinh tien*

*P3 = Rotate(P3, 72);*

*P3 = Translate(P3, trX, trY);*

*// Nối PreviousP với P3*

*Bresenham\_drawing\_line(PreviousP, P3);*

*// quay điểm điểm P2*

*P2 = Rotate(P2, 72);*

*P2 = Translate(P2, trX, trY);*

*// Nối P3 đến P2*

*Bresenham\_drawing\_line(P3, P2);*

*// set lại PreviousP*

*PreviousP = P2;*

*end while*

***End***

**Function:** Rotate

**Inputs:** Điểm quay (P), góc quay (alpha)

**Outputs:** Trả về điểm đã quay theo góc quay alpha

***Begin***

Q.x = cos(alpha \* *(PI / 180*)) \* P.x - sin(alpha \* *(PI / 180)*) \* P.y;

Q.y = sin(alpha \* *(PI / 180)*) \* P.x + cos(alpha \* *(PI / 180)*) \* P.y;

return Q

***End***

**Function:** Translate

**Inputs:** Diem tinh tien (P), Độ dời trục hoành (trX), Độ dời trục tung (trY)

**Outputs:** Return điểm đã tịnh tiến

***Begin***

Q.x = P.x + trX;

Q.y = P.y + trY;

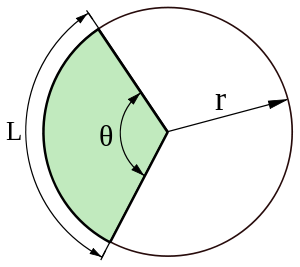
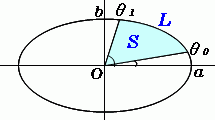
return Q

***End***

# Vẽ cung tròn/cung ellipse:

Đường tròn: Tâm C, R, P1, P2

Ellipse: Tâm C, Rx, Ry, P1, P2



P1

C

P2

2.1 Cung tròn:

2.1.1 Phát biểu bài toán:

- Phương trình đường tròn tâm C(xc, yc), bán kính R

(x – xc)^2 + (y – yc)^2 = R^2

- Vẽ cung tròn trên lưới tọa độ nguyên

- Các điểm vẽ phải thỏa yêu cầu liên tục trong lân cận 8 của điểm ảnh.

- Giới hạn:

Vẽ tại tâm 0

Khảo sát cung chắn 1/8

2.1.2 Giải thuật:

// Using modifying Bresenham's circle agorithm

Function: Bresenham\_drawing\_circular\_arc

Inputs: Tâm C(xc, yc), Bán kính R, Điểm P1, Điểm P2

Begin

int x = 0;

int y = (int)R;

int p = (int)(5/4 - R);

// Lay goc dau, goc cuoi cua P1, P2

// Goc duoc tao boi P1 va 0y, P2 va 0y

float starting\_angle = Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis(P1.x, P1.y, R);

float ending\_angle = Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis(P2.x, P2.y, R);

// Tìm phân vùng octant bắt đầu và kết thúc của vòng cung (P1, P2)

int startOctant = findOctantOfAngle(starting\_angle);

int endOctant = findOctantOfAngle(ending\_angle);

Put8Pixel(C.xc, C.yc, x, y, startOctant, endOctant, starting\_angle, ending\_angle);

while (x < y){

x++;

if(p < 0)

p += 2\*x + 3;

else{

y--;

p += 2\*(x - y) + 5;

}

Put8Pixel(C.xc, C.yc, x, y, startOctant, endOctant, starting\_angle, ending\_angle);

}

End

// Hàm put các điểm lấy đối xứng mà có nằm trong vòng cung (P1, P2)

Function: Put8Pixel

Inputs: Tâm C(xc, yc), Hoành độ x, Tung độ y, Phân vùng bắt đầu startOctant,

Phân vùng kết thúc endOctant, Goc bắt đầu starting\_angle, Góc kết thúc ending\_angle

Begin

// Duyệt từ startOctant đến endOctant để tiết kiệm thời gian

// Ý tưởng: mỗi lần duyệt đến Octant nào thì sẽ lấy điểm đối xứng cho octant đó

// và kiểm tra xem điểm đối xứng đó có nằm trong vòng cung (P1, P2) hay không?

// Nếu có thì putpixel điểm đó vào

for (int i = startOctant; i <= endOctant; i++){

switch(i){

case 0:

if(isInsideArc(x, y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc + x, yc + y);

break;

case 1:

if(isInsideArc(y, x, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc + y, yc + x);

break;

case 2:

if(isInsideArc(y, -x, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc + y, yc-x);

break;

case 3:

if(isInsideArc(x, -y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc + x, yc-y);

break;

case 4:

if(isInsideArc(-x, -y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-x, yc-y);

break;

case 5:

if(isInsideArc(-y, -x, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-y, yc-x);

break;

case 6:

if(isInsideArc(-y, x, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-y, yc+x);

break;

default:

if(isInsideArc(-x, y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-x, yc+y);

}

}

End

// Hàm kiểm tra 1 điểm có nằm trong vòng cung hay không

Function: isInsideArc

Inputs: Toa độ x, y, Góc bắt đầu starting\_angle, Góc kết thúc ending\_angle

Begin

// Tính góc tạo bởi P và Oy

alpha = Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis(P, R)

if (starting\_angle <= alpha && alpha <= ending\_angle)

return 1;

return 0;

End

// Hàm kiểm tra 1 góc nằm trong phân vùng nào của phân vùng 8 (Octant)

// Các phân vùng trong octant đánh số từ 0 - 7 theo chiều kim đồng hồ

Function: findOctantOfAngle

Inputs: Góc angle

Begin

return int(angle / (PI/4));

End

// Hàm để tính góc tạo bởi điểm P và trục Oy.

Function: Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis

Inputs: Diem (x, y), Ban kinh R

Begin

// Tinh theo radian

// Một hình tròn được chia làm 4 phân vùng (quadrant)

// Vùng 0: 0 - PI/2

// Vùng 1: PI/2 - PI

// Vùng 2: PI - 3\*PI / 2

// Vùng 3: 3\*PI/2 - 2\*PI

if (((0 <= x && x < R) && (0 < y && y <= R))) // Vung 0

return arccos(y / R);

else if ((0 < x && x <= r) && (-r < y && y <= 0)) // Vung 1

return arcsin(y / R) + PI/2;

else if ((-r < x && x <= 0) && (-r <= y && y < 0)) // Vung 2

return arccos(y / R) + PI;

else // Vung 3

return arcsin(y / R) + (3\*PI)/2;

End

2.2 Cung ellipse:

Giải thuật:

// Using modifying Bresenham's ellipse agorithm

Function: Bresenham\_drawing\_ellipse\_arc

Inputs: Tâm C(xc, yc), Bán kính (Rx, Ry), Điểm P1, Điểm P2

Begin

// Điểm đầu

int x = 0;

int y = (int)Ry;

float p = Ry\*Ry - Rx\*Rx\*Ry + (1/4)\*Rx\*Rx;

float A = 2\*Ry\*Ry\*x;

float B = 2\*Rx\*Rx\*y;

// Lay goc dau, goc cuoi cua P1, P2

// Goc duoc tao boi P1 va 0y, P2 va 0y

float starting\_angle = Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis(P1.x, P1.y, Ry);

float ending\_angle = Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis(P2.x, P2.y, Ry);

// Tìm phân vùng Quadrant bắt đầu và kết thúc của vòng cung (P1, P2)

int startQuadrant = findQuadrantOfAngle(starting\_angle);

int endQuadrant = findQuadrantOfAngle(ending\_angle);

// Ve diem dau

Put4Pixel(C.xc, C.yc, x, y, startQuadrant, endQuadrant, starting\_angle, ending\_angle);

// Xét vùng 1: 0 < |dy/dx| <= 1

int k = 0;

while (2\*Ry\*Ry < 2\*Rx\*Rx\*y){

x++;

if(p < 0){

A += 2\*Ry\*Ry;

p += A + Ry\*Ry;

}

else{

y--;

A += 2\*Ry\*Ry;

B -= 2\*Rx\*Rx;

p += A - B + Ry\*Ry;

}

Put4Pixel(C.xc, C.yc, x, y, startQuadrant, endQuadrant, starting\_angle, ending\_angle);

}

// Xét vùng 2: |dy/dx| > 1

float xlast = x, ylast = y;

A = 2\*Ry\*Ry\*xlast;

B = 2\*Rx\*Rx\*ylast;

p = Ry\*Ry\*(xlast + 1/2)^2 + Rx\*Rx\*(ylast - 1)^2 - Rx\*Rx\*Ry\*Ry;

k = 0;

while(y != 0){

y--;

if(p < 0){

x++;

A += 2\*Ry\*Ry;

B -= 2\*Rx\*Rx;

p += A - B + Rx\*Rx;

}

else{

B -= 2\*Rx\*Rx;

p -= B + Rx\*Rx;

}

Put4Pixel(C.xc, C.yc, x, y, startQuadrant, endQuadrant, starting\_angle, ending\_angle);

}

End

// Hàm put các điểm lấy đối xứng mà có nằm trong vòng cung (P1, P2)

Function: Put4Pixel

Inputs: Tâm C(xc, yc), Hoành độ x, Tung độ y, Phân vùng bắt đầu startQuadrant,

Phân vùng kết thúc endQuadrant, Goc bắt đầu starting\_angle, Góc kết thúc ending\_angle

Begin

// Duyệt từ startQuadrant đến endQuadrant để tiết kiệm thời gian

// Ý tưởng: mỗi lần duyệt đến Quadrant nào thì sẽ lấy điểm đối xứng cho Quadrant đó

// và kiểm tra xem điểm đối xứng đó có nằm trong vòng cung (P1, P2) hay không?

// Nếu có thì putpixel điểm đó vào

for (int i = startQuadrant; i <= endQuadrant; i++){

switch(i){

case 0:

if(isInsideArc(x, y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc+x, yc+y);

break;

case 1:

if(isInsideArc(-y, x, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-y, yc+x);

break;

case 2:

if(isInsideArc(-x, -y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-x, yc-y);

break;

case 3:

if(isInsideArc(-x, y, starting\_angle, ending\_angle))

putpixel(xc-x, yc+y);

break;

}

}

End

// Hàm kiểm tra 1 điểm có nằm trong vòng cung hay không

Function: isInsideArc

Inputs: Toa độ x, y, Góc bắt đầu starting\_angle, Góc kết thúc ending\_angle

Begin

// Tính góc tạo bởi P và Oy

alpha = Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis(P, R)

if (starting\_angle <= alpha && alpha <= ending\_angle)

return 1;

return 0;

End

// Hàm kiểm tra 1 góc nằm trong phân vùng nào của phân vùng 4 (Quadrant)

// Các phân vùng trong Quadrant đánh số từ 0 - 3 theo chiều kim đồng hồ

Function: findQuadrantOfAngle

Inputs: Góc angle

Begin

return int(angle / (PI/2));

End

// Hàm để tính góc tạo bởi điểm P và trục Oy.

Function: Calculate\_angle\_between\_P\_and\_yAsis

Inputs: Diem (x, y), Ban kinh R

Begin

// Tinh theo radian

// Một hình tròn được chia làm 4 phân vùng (quadrant)

// Vùng 0: 0 - PI/2

// Vùng 1: PI/2 - PI

// Vùng 2: PI - 3\*PI / 2

// Vùng 3: 3\*PI/2 - 2\*PI

if (((0 <= x && x < R) && (0 < y && y <= R))) // Vung 0

return arccos(y / R);

else if ((0 < x && x <= r) && (-r < y && y <= 0)) // Vung 1

return arcsin(y / R) + PI/2;

else if ((-r < x && x <= 0) && (-r <= y && y < 0)) // Vung 2

return arccos(y / R) + PI;

else // Vung 3

return arcsin(y / R) + (3\*PI)/2;

End

# Vẽ đường cong Bezier bằng phương pháp de Casteljau với điểm chia theo tỷ lệ 1/2:

# Xác định số viên gạch kích thước cxd (mm) cần để nền hồ Ellipse (Bán trục lớn: a (cm), Bán trục nhỏ: b (cm)) hoặc Circle: